

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST

Ngày 15/9/2023

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Dhiệu Hmok

2. Ông Bùi Ngọc Khánh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ: Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2023/TLST–HNGĐ ngày 21/4/2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 07/8/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 74/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị T.T.T , sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn B 2, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Bị đơn: Anh P.Đ.H , sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn B 2, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2023 và trong quá trình hoà giải, nguyên đơn chị T.T.T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh H. chung sống tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 22/02/2005 tại UBND xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã gây mất quan điểm. Anh H. thường xuyên đi làm xa thỉnh thoảng mới về nhà nên những mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không thể giải quyết được. Hiện chúng tôi đã ly thân. Nay tôi cảm thấy không thể sống chung, yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với anh H..

Về con chung: Trong quá trình chung sống tôi và anh P.Đ.H có 02 con chung gồm: Cháu P.T.T.M , sinh ngày 16/03/2008 và cháu P.T.T.N , sinh ngày 27/06/2005. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung P.T.T.M , sinh ngày 16/03/2008, còn cháu P.T.T.N , sinh ngày 27/06/2005 đã đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi) nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Đối với bị đơn anh P.Đ.H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không lấy lời khai và không tiến hành kiểm tra giao nộp chứng cứ và hoà giải với anh P.Đ.H được.

Tại biên bản xác minh ngày 03/7/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ về tình trạng hôn nhân của chị T. và anh H. như sau: Chị T.T.T và anh P.Đ.H kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã gây mất quan điểm, nguyên nhân cụ thể chính quyền địa phương không nắm rõ vì vợ chồng anh H. và chị T. không trình báo với chính quyền địa phương.

Đại diện VKSND thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 BLTTDS, bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vi phạm các Điều 70, 72 BLTTDS. Về nội dung đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Cho chị T.T.T được ly hôn với anh P.Đ.H. Về con chung: Giao con chung P.T.T.M, sinh ngày 16/03/2008 cho chị T.T.T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi). Đối với con chung P.T.T.N, sinh ngày 27/06/2005 đã đến tuổi trưởng thành và chị T. không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản, công nợ: Chị T. không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh P.Đ.H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị T.T.T và anh P.Đ.H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/02/2005 tại UBND xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk, đây là hôn nhân hợp pháp khi có tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn HĐXX thấy: Chị T.T.T và anh P.Đ.H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/02/2005 tại UBND xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk sống hạnh phúc được một thời gian sau khi đăng ký kết hôn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng cãi vã lẫn nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T.T.T yêu cầu được ly hôn anh P.Đ.H cơ bản phù hợp với biên bản xác minh tình

trạng hôn nhân và phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Xét nguyện vọng của chị T.T.T , cho chị T.T.T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung P.T.T.M , sinh ngày 16/03/2008 đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi), là có căn cứ phù hợp với các Điều 58; 81; 82; 83; 84 Luật HNGĐ, cần chấp nhận. Đối với con chung P.T.T.N , sinh ngày 27/06/2005 đã đến tuổi trưởng thành và chị T. không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T. không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T.T.T chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T.T.T .

-Về hôn nhân: Cho chị T.T.T được ly hôn với anh P.Đ.H .

-Về con chung: Giao con chung P.T.T.M , sinh ngày 16/03/2008 cho chị T.T.T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi), Đối với con chung P.T.T.N , sinh ngày 27/06/2005 đã đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi) và chị T. không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T.T.T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Anh P.Đ.H được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

-Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

-Về án phí: Chị T.T.T chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0018500 ngày 20/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS thị xã Buôn Hồ;
- UBND xã Bình Thuận;
- THA DS thị xã;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Hương

